

CTCP THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 224/Ttr-CPTP-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 15 tháng 4 năm 2018

## TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

**Kính trình:** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2011;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng.

Trên cơ sở quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP, trong đó có Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng thay thế Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012,

Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát và sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết, đảm bảo hoạt động Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành và phù hợp hoạt động quản trị, điều hành thực tế của Công ty. Nội dung sửa đổi, bổ sung được nêu chi tiết tại tờ trình.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung này và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn thiện và ban hành điều lệ mới của Công ty.

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	Mục c, khoản 4 Điều 13: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95
2	Khoản 5 Điều 13: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 4 Điều 13;	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</b> hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều này	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95
3	Khoản 1, Điều 16: Thay đổi các quyền	Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95
4	Khoản 4 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp	<b>Bổ sung:</b> Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95

		theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.		
5	Khoản 4. Điều 25 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn	Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 500.000.000 đồng Việt Nam	Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 500.000.000 đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95
6	Khoản 3, Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban Kiểm soát	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a. Ban kiểm soát; b. Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. <b>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</b> d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95
7	<b>Không có</b>	Không có	<b>Điều khoản về: Người phụ trách quản trị công ty</b> 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95

Handwritten text on the left margin.

			<p>đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Có hiểu biết về pháp luật;</li> <li>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</li> <li>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</li> </ul> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</li> <li>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d. Tham dự các cuộc họp;</li> <li>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</li> <li>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin</li> </ul>	
--	--	--	--	--

			<p>khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
8	Mục e, khoản 3, Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành	<b>Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm</b> , Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm	<b>Vào quý I hàng năm</b> , Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm	Thay đổi phù hợp niên độ kế toán mới của Công ty
9	Khoản 1, Điều 32: Kiểm soát viên	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (1) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các bộ quản lý khác của Công ty</p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó</p>	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95
		Ban Kiểm soát chỉ định một (1) thành viên làm Trưởng	Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng	

		ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại công ty	ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.	
10	Khoản 5, Điều 32. Kiểm soát viên	<p>Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95
11	Khoản 1, 2, 3, Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng</p>	Sửa đổi, bổ sung lại phù hợp Điều lệ mẫu theo quy định của Nghị định 71, Thông tư 95

	<p>sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật.</p>	<p>giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	
	<p>3. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà</p>	<p>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp</p>	

		<p>người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác</p>	
--	--	---	--	--

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thành Trung**

S.Đ.K.K.D